

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 687/2020/HNST ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Phạm S, sinh năm 1983;

2. Bà Võ Thị Hồng T, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số 480/15, Tổ 13, Khu phố 5, phường A, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020 như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm S và bà Võ Thị Hồng T tiến tới hôn nhân tự nguyện vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Long An. Vợ chồng sống hạnh phúc được 12 (mười hai) năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất hòa, hai bên nhiều lần tự hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ tháng

4/2020 đến nay, cả hai xác định không còn tình cảm, do vậy cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét ông Phạm S và bà Võ Thị Hồng T chung sống đến nay mâu thuẫn không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai thống nhất thỏa thuận ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm S và bà Võ Thị Hồng T có 03 (ba) con chung gồm: Phạm Nhã N, sinh ngày 29/9/2009 (nữ); Phạm Nhã N, sinh ngày 12/7/2011 (nữ) và Phạm L, sinh ngày 08/01/2019 (nam). Hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn ông Phạm S trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nhã N, bà Võ Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nhã N và trẻ Phạm L, cả ông Phạm S và bà Võ Thị Hồng T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm S và bà Võ Thị Hồng T được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

[4] Nợ chung: Các đương sự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm S và bà Võ Thị Hồng T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01 ngày 21 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố B, tỉnh Long An không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Ông Phạm S và bà Võ Thị Hồng T có 03 (ba) con chung gồm: Phạm Nhã N, sinh ngày 29/9/2009 (nữ); Phạm Nhã N, sinh ngày 12/7/2011 (nữ) và Phạm L, sinh ngày 08/01/2019 (nam). Sau khi ly hôn, ông S trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nhã N, bà T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nhã N và trẻ Phạm L, cả ông Phạm S và bà Võ Thị Hồng T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm S và bà Võ Thị Hồng T được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Phạm S và bà Võ Thị Hồng T cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0041802 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S và bà T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND xã A, thành phố B, tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT (TK Duyên).⁽¹⁰⁾

THẨM PHÁN

Lê Thị Phơ